

Bản án số: 536/2023/HCPT

Ngày 24 tháng 7 năm 2023

*“V/v khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 221/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 3 năm 2023 về *“Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*. Do bản án hành chính sơ thẩm số 40/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7916/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Bùi Huy H, sinh năm 1962; địa chỉ: K T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Bá H1, sinh năm 1988; địa chỉ: Công ty L, số G N, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1957; địa chỉ: Khối T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; có mặt

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch UBND thị xã H, tỉnh Nghệ An.

2. Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu A, chức vụ: Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Anh Bùi Huy H2, sinh năm 1983; vắng mặt
3. Anh Bùi Huy H3, sinh năm 1987; vắng mặt.
4. Anh Bùi Huy H4, sinh năm 1989; vắng mặt.
5. Anh Bùi Huy H5, sinh năm 1992; vắng mặt.
6. Anh Bùi Huy H6, sinh năm 1995; vắng mặt.
7. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1939; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: K T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Bùi Huy H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện ông Bùi Huy H và đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Vào năm 2013 khi thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A thì Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị xã H đã tiến hành thu hồi đất của ông H trong phạm vi 13,5m (tính từ chân đường đến phạm vi 13,5m) với tổng diện tích là 115,6m² nhưng không ban hành quyết định thu hồi và không bồi thường cho ông.

Sau khi khiếu nại thì Chủ tịch UBND thị xã H ban hành Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 28/01/2020, căn cứ vào Bản đồ 299 được đo vẽ năm 1982 hoàn thành năm 1986 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) được UBND huyện Q cấp năm 2008 để xác định phần tiếp giáp đường Quốc lộ 1A của ông là đất giao thông và thửa đất do Hợp tác xã T3 quản lý để làm căn cứ bác khiếu nại. Ông H không đồng ý với việc thu hồi đất nhưng không ban hành quyết định thu hồi, không bồi thường khi thu hồi và không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã H bởi vì:

+ Về nguồn gốc thửa đất của ông: Ngay trong Quyết định số 163/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thị xã H thừa nhận rằng đất của ông được mẹ ông là bà Nguyễn Thị T1 tặng cho từ năm 1983 và sử dụng ổn định liên tục trên 30 năm. Tại Giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng của UBND phường Q ban hành năm 2013 thể hiện thửa đất của ông được bà T1 để lại cho ông từ năm 1983 và đất không tranh chấp, không vi phạm quy định, phù hợp với quy hoạch. Theo GCNQSDĐ số H00138/CM do UBND huyện Q cấp năm 2008 thì diện tích đất của ông H là 643m², trong đó có 200m² đất đô thị, 331m² đất trồng cây hàng năm và 112m² đất lưu không. Như vậy, ông H đã sử dụng đất ổn định từ năm 1983 tới thời điểm thu hồi đất năm 2013 và không có tranh chấp với bất kỳ ai. Do đó, căn cứ theo khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 thì toàn bộ diện tích đất của ông H đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ. Ngoài ra, mặc dù thời điểm thu hồi Bộ luật Dân sự 2015 chưa ban hành và chưa có hiệu lực tuy nhiên có thể vận dụng tinh thần của Điều 236 Bộ luật Dân sự 2015.

+ Về vị trí thực tế của thửa đất: Theo Giấy xác nhận của ông Nguyễn Duy Á, nguyên là Chủ nhiệm Hợp tác xã T3 giai đoạn từ năm 1981 tới năm 1985 thì đất

của bà Nguyễn Thị T1 được Hợp tác xã T3 chia cho có phía Tây tiếp giáp đường Quốc Lộ 1A cũ. Theo bản đồ địa chính năm 1997 thì tiếp giáp đất của ông H là Quốc lộ A cũ. Theo trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/BĐĐC.VPĐK do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh lập được Sở T4 xác nhận ngày 15/08/2011 thì tiếp giáp thửa đất của ông H là đường Quốc lộ 1A cũ. Như vậy, ông H được bà Nguyễn Thị T1 tặng cho quyền sử dụng đất năm 1983, đã quản lý, sử dụng từ đó tới thời điểm bị thu hồi đất năm 2013 và vị trí mà ông H sử dụng là giáp Quốc lộ A cũ. Từ khi quản lý, sử dụng đất này không thấy bất kỳ một con đường nào khác ngoài con đường Quốc lộ 1A cũ.

+ Về diện tích thửa đất: Theo sổ mục kê đất đai của UBND phường Q thì thửa đất của ông H có diện tích là 774m² đất. Theo GCNQSDĐ số vào sổ H00138/CM do UBND huyện Q cấp năm 2008 thì thửa đất của có diện tích 643m². Tuy nhiên, tại Văn bản số 1042/UBND-TNMT do UBND thị xã H ban hành thì sau khi thu hồi thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ A thì thửa đất của ông còn tới 520,7m² (thu hồi 115,6m² trong phạm vi 13,5m không được bồi thường), thu hồi 41,4m² ngoài phạm vi 13,5m (đã được bồi thường). Nếu căn cứ theo GCNQSDĐ thì UBND thị xã H phải bồi thường cho ông 80,9m² (643m² - 520,7m² - 41,4m²). Tại Quyết định số 164/QĐ-UBND thể hiện nội dung: “thửa đất ông Bùi Huy H đang sử dụng thuộc thửa đất số 19, diện tích 677,7m² (theo Trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/ BĐĐC.VPĐK do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh lập được Sở T4 xác nhận ngày 15/08/2011)...”. Căn cứ vào bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/BĐĐC.VPĐK thì UBND thị xã H phải bồi thường cho ông toàn bộ diện tích thu hồi nằm trong phạm vi 13,5m là 115,6m². Như vậy, tại thời điểm gần thời điểm thu hồi đất nhất thì theo Trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/BĐĐC.VPĐK do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh lập được Sở T4 xác nhận ngày 15/08/2011 xác định diện tích đất của ông H đang sử dụng phải là 677,7m² và tại bản trích lục và đo vẽ này không có bất kỳ con đường giao thông nào ngoài đường Quốc lộ 1A cũ.

Như vậy, đủ căn cứ để xác định thửa đất của ông H tiếp giáp với Quốc lộ A cũ và diện tích thửa đất trước thời điểm thu hồi nâng cấp Quốc lộ A là 677,7m². Do đó, việc UBND thị xã H thu hồi đất nhưng không ban hành quyết định thu hồi, không bồi thường khi thu hồi đất theo quy định là trái pháp luật và ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của ông H nên khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 28/01/2020 của Chủ tịch UBND thị xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Huy H và Quyết định số 189/QĐ-UBND về việc đình chính thời gian ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại ban hành ngày 04/02/2021 và buộc UBND thị xã H ban hành quyết định thu hồi đất trong phạm vi 13,5m đối với diện tích bị thu hồi là 115,6m² và bồi thường diện tích đất đã bị thu hồi cho ông H.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND thị xã H và UBND thị xã H trình bày:

+ Thửa đất ông Bùi Huy H đang sử dụng thuộc thửa đất số 19, diện tích 677,7m² (theo trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/BĐĐC.VPĐK do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh lập được Sở T4 xác nhận ngày 15/8/2011) có nguồn gốc được Hợp tác xã T3 cấp đất ở cho bà Nguyễn Thị T1 (mẹ ông H) trước năm 1980. Năm 1983, bà Nguyễn Thị T1 cắt cho vợ chồng ông H một phần thửa đất và ông H sử dụng ổn định từ đó đến nay.

+ Diện tích trong phạm vi 13,5m là 115,6m².

+ Về hồ sơ quản lý đất đai lưu trữ lại UBND phường Q và báo cáo của UBND phường Q: Theo Bản đồ 299: Thửa đất ông H đang sử dụng được phản ánh thuộc 1 phần thửa đất số 131 tờ bản đồ số 02, diện tích 1.212m², loại đất thổ cư; 1 phần thửa đất số 207, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.558m², đất sân kho HTX quản lý; 1 phần thửa đất giao thông. Theo bản đồ địa chính 1997: Thửa đất ông Bùi Huy H sử dụng được phản ánh thuộc thửa đất số 128, tờ bản đồ số 132-75, diện tích 531m², loại đất thổ cư. UBND phường Q khẳng định thửa đất số 207, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.558m² là đất của Hợp tác xã T3 bố trí làm kho đến năm 1991 Hợp tác xã giải thể và thanh lý đất theo hình thức tách hộ cho ông Nguyễn Bá H7, Nguyễn Bá S, Nguyễn Bá H8, Nguyễn Bá T2. Như vậy thửa đất mà bà Nguyễn Thị T1 (mẹ ông H) được Hợp tác xã cấp là thửa số 131, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.212m², phần phía trước thửa đất của bà Nguyễn Thị T1, phần tiếp giáp đường Q còn có thửa đất giao thông và thửa đất do Hợp tác xã quản lý.

+ Về hồ sơ giải phóng mặt bằng dự án PMU1 năm 1995 (được U tại Sở G) không có hồ sơ của ông Bùi Huy H. Trong danh sách hồ sơ đã được lập gồm 604 hộ của huyện Q, trong đó có 175 hộ tại xã Q được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2944/QĐ.UB ngày 21/11/1995 phê duyệt danh sách và kinh phí đền bù cho các hộ bị ảnh hưởng (PAPs) của huyện Q và đã được Cục giám định và QLCLCTGT Bộ G1 chấp thuận tại Quyết định số 802/GĐ ngày 29/11/1995 và trong danh sách hồ sơ đã được lập gồm 220 hộ của huyện Q, trong đó có 8 hộ tại xã Q được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2944/QĐ.UB ngày 21/11/1995 phê duyệt danh sách và kinh phí đền bù cho các hộ bị ảnh hưởng (PaPs) của huyện Q và đã được Cục Giám định và QLCLCTGT Bộ G1 chấp thuận tại Quyết định số 803/GĐ ngày 29/11/1995 không có tên của ông Bùi Huy H.

+ Về việc ông Bùi Huy H được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ vào năm 2008, diện tích 643m² trong đó 200m² đất ở đô thị và 331m² đất trồng cây lâu năm và 112m² đất lưu không: Nội dung ghi trong GCNQSDĐ vào năm 2008, Công văn số 1784/UBND-TNMT Ngày 12/9/2022 UBND thị xã H đã trả lời: Qua kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSDĐ của ông Bùi Huy H thể hiện: Đơn xin cấp GCNQSDĐ bà Nguyễn Thị H9 vợ ông Bùi Huy H ký tên có ghi rõ diện tích xin được cấp là 531m² (trong đó 200m² đất ở và 331m² đất vườn), không có phần diện tích 112m² đất lưu không. Như vậy, GCNQSDĐ số H00138/CM do UBND huyện Q cấp năm

2008 thì diện tích đất của ông là 643m², trong đó có 331m² đất đô thị, 112m² đất lưu không không phù hợp đơn xin cấp GCNQSDĐ. Theo quy định Luật Đất đai năm 2003, năm 2013 và các văn bản hướng dẫn cấp GCNQSDĐ không quy định cũng như không có mã loại đất lưu không vì vậy phần đất ghi trong GCNQSDĐ cấp cho hộ ông Bùi Huy H là không đúng pháp luật.

+ Như vậy phần đất của bà Nguyễn Thị T1 (sau này chuyển nhượng một phần thửa đất cho ông Bùi Huy H) được Hợp tác xã T3 cấp không cấp đất ra đến chân đường, không bao gồm phần đất trong phạm vi 13,5m. Phần đất trong phạm vi 13,5m là đất giao thông và đất do Hợp tác xã T3 quản lý. Diện tích đất này không được cấp GCNQSDĐ và không được bồi thường.

+ Chủ tịch UBND thị xã H căn cứ nguồn gốc đất, hồ sơ địa chính, bản đồ 299, bản đồ địa chính, GCNQSDĐ ... để làm căn cứ ban hành các Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 28/01/2020, Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 là có căn cứ và đúng quy định. Do vậy, đề nghị giữ nguyên các quyết định bị kiện nêu trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường Q, thị xã H trình bày:

+ Về hồ sơ quản lý đất đai lưu tại UBND phường Q: Theo Bản đồ 299: thửa đất của ông H thuộc một phần thửa đất số 131 tờ bản đồ số 02, diện tích 1.212m² loại đất thổ cư, một phần thửa đất số 207, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.558m², đất sân kho Hợp tác xã quản lý, một phần thửa đất giao thông. Theo bản đồ địa chính năm 1997 bà Nguyễn Thị H9 kê khai xin cấp GCNQSDĐ thửa đất thuộc thửa 128, tờ bản đồ số 132-75, diện tích 531m² trong đó 200m² đất ở và 331m² đất trồng cây hàng năm không có đất lưu không. Đất hành lang cấp trong GCNQSDĐ cấp cho ông H 112m² cũng không nằm trong chỉ giới hành lang 13,5m vì thửa đất ông H có nguồn gốc của mẹ là bà Nguyễn Thị T1, thửa đất bà Nguyễn Thị T1 do Hợp tác xã cấp trước đây không ra đến chân theo bản đồ 299 có thể hiện đất giao thông và một phần thửa 207. Thửa đất số 207 là đất của Hợp tác xã T3 bố trí làm kho đến năm 1991, Hợp tác xã giải thể và thanh lý đất theo hình thức tách hộ.

+ Hiện nay, phần diện tích ông Bùi Huy H khiếu nại được thi công làm đường QL1A từ năm 2014 là đường giao thông, không có cơ sở để xác định hiện trạng và ranh giới sử dụng đất nên đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Huy H2, anh Bùi Huy H3, anh Bùi Huy H4, anh Bùi Huy H5, anh Bùi Huy H6 trình bày: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Huy H và đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc, các phiên tòa sơ thẩm.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; khoản

1 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Mục 2 từ Điều 27 đến Điều 32 Luật Khiếu nại và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Huy H đề nghị Tòa án: Hủy toàn bộ Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 28/01/2020 của Chủ tịch UBND thị xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Huy H, khôi T, phường Q (lần đầu) và Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của Chủ tịch UBND thị xã H về việc đình chính thời gian ban hành quyết định giải quyết khiếu nại và buộc UBND thị xã H ban hành quyết định thu hồi đất trong phạm vi 13,5m với diện tích bị thu hồi là 115,6m² và bồi thường diện tích đất đã bị thu hồi cho ông Bùi Huy H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 06/10/2022, người khởi kiện ông Bùi Huy H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Những người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:

+ Về nguồn gốc thửa đất: Trong quyết định số 163/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thị xã H thừa nhận đất của ông H được mẹ là bà Nguyễn Thị T1 tặng cho từ năm 1983 và sử dụng ổn định liên tục trên 30 năm, không tranh chấp, không vi phạm quy định, phù hợp với quy hoạch. GCNQSDĐ số H00138/CM do UBND huyện Q cấp năm 2008 thì diện tích đất là 643m², trong đó có 200m² đất đô thị, 331m² đất trồng cây hàng năm và 112m² đất lưu không. Như vậy, ông H đã sử dụng đất ổn định từ năm 1983 tới thời điểm thu hồi đất năm 2013 và không có tranh chấp với bất kỳ ai nên căn cứ theo khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 thì toàn bộ diện tích đất của ông H đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ.

+ Về vị trí và diện tích thực tế của thửa đất: Theo Giấy xác nhận của ông Nguyễn Duy A - nguyên là chủ nhiệm HTX T3 thì đất của bà Nguyễn Thị T1 được HTX T3 chia cho có phía Tây tiếp giáp đường Quốc Lộ 1A cũ. Theo bản đồ địa chính năm 1997, thì tiếp giáp đất của ông H là Quốc lộ A cũ. Theo trích lục và đo vẽ bổ sung Bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/ BĐĐC.VPĐK do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh lập được Sở T4 xác nhận ngày 15/08/2011 thì tiếp giáp thửa đất của ông là đường Quốc lộ 1A cũ. Như vậy, đất của ông H sử dụng là giáp Quốc lộ A cũ. Từ khi quản lý, sử dụng đất này, ông không thấy bất kỳ một con đường nào khác ngoài con đường Quốc lộ 1A cũ. Theo sổ mục kê đất đai của UBND phường Q thì thửa đất của ông có diện tích là 774m² đất. Theo GCNQSDĐ số vào sổ H00138/CM do UBND huyện Q cấp năm 2008 thì thửa đất của ông H có diện tích 643m²; nếu căn cứ theo GCNQSDĐ thì UBND thị xã H phải bồi thường cho ông H 80,9m² (643m² - 520,7m² - 41,4m²). Tại quyết định số 164/QĐ-UBND thể hiện nội dung: “thửa đất ông Bùi Huy H đang sử dụng thuộc thửa đất số 19, diện tích 677,7m² (theo Trích lục và đo vẽ bổ sung Bản đồ địa

chính khu đất số 205/2011/ BĐĐC.VPĐK do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh lập được Sở tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 15/08/2011)" thì UBND xã H phải bồi thường cho ông H toàn bộ diện tích thu hồi nằm trong phạm vi 13,5m là 115,6m².

+ Như vậy, đủ căn cứ để xác định thửa đất của ông H tiếp giáp với Quốc lộ A cũ và diện tích thửa đất của ông trước thời điểm thu hồi nâng cấp Quốc lộ A là 677,7m². Việc UBND thị xã H thu hồi đất của ông nhưng không ban hành quyết định thu hồi, không bồi thường khi thu hồi đất theo quy định là hành vi trái pháp luật và ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của ông H. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông H và sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông Bùi Huy H là trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện thửa đất của ông H sử dụng không tiếp giáp Quốc lộ 1A mà còn cách một thửa đất do HTX T3 quản lý và 01 khoảnh đất giao thông; bản án sơ thẩm xử bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông H là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; bác kháng cáo của ông Bùi Huy H, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Bùi Huy H là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt nhưng người đại diện theo uỷ quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần 02, trong đó có người đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính để tiến hành việc xét xử vụ án.

[1.3] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 26/04/2021 người khởi kiện có đơn yêu cầu huỷ Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 28/01/2020; Quyết định số 189/QĐ-UBND về việc đình chỉ thời gian ban

hành Quyết định giải quyết khiếu nại ban hành ngày 04/02/2021 của Chủ tịch UBND thị xã H và yêu cầu buộc UBND thị xã H ban hành quyết định thu hồi đất trong phạm vi 13,5m với diện tích bị thu hồi là 115,6m² và bồi thường diện tích đất đã bị thu hồi cho người khởi kiện; đây là yêu cầu đối với các quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An là đúng theo khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của ông Bùi Huy H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định bị kiện:

Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 28/01/2020 và Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của Chủ tịch UBND thị xã H ban hành là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 18; từ Điều 27 đến Điều 32 Luật Khiếu nại và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung các quyết định bị kiện:

[2.2.1] Đối với Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 28/01/2020 của Chủ tịch UBND thị xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Huy H:

Về nguồn gốc thửa đất ông Bùi Huy H đang sử dụng: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, sự thừa nhận và trình bày của các đương sự xác định nguồn gốc đất của ông Bùi Huy H sử dụng là đất được bà Nguyễn Thị T1 tặng cho sử dụng từ năm 1983. Thửa đất bà Nguyễn Thị T1 theo bản đồ 299 đo năm 1982 hoàn thành năm 1986 là thửa đất số 131, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.212m², loại đất thổ cư, được HTX T3 cấp năm 1980. Việc các đương sự đều thừa nhận về nguồn gốc đất ông Bùi Huy H sử dụng là phù hợp nhau nên đây là vấn đề không cần phải chứng minh theo quy định khoản 2 Điều 79 Luật Tổ tụng hành chính. Theo bản đồ đo vẽ năm 1997 thửa đất số 128, tờ bản đồ số 132-75 (BĐĐC) phường Q, có diện tích là 531m² nhưng tại thời điểm thu hồi đất năm 2013 ông Bùi Huy H đang sử dụng thửa đất số 128, tờ bản đồ số 132-75 (BĐĐC) phường Q, đã được đo vẽ tại thửa số 19, tờ bản đồ trích đo số 51(D1)/2014 có diện tích 677,7m², trong đó có diện tích nằm trong hành lang an toàn giao thông là 115,6m². Đối chiếu vị trí thu hồi đất của ông H đang sử dụng tại thời điểm thu hồi năm 2013 so với bản đồ 299 được đo vẽ hoàn thành năm 1986 thấy: Thửa đất của ông H sử dụng thuộc một phần diện tích thửa đất số 131 tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299) diện tích thửa 131 là 1.212m², loại đất thổ cư (thửa đất này bà Nguyễn Thị T1 được HTX T3 cấp 1980) và một phần thửa đất số 207, tờ bản đồ số 02 (Bản đồ 299), diện tích thửa số 207 là 2.558m² là đất sân kho HTX Tân Thắng quản lý và một phần thửa đất giao thông. Theo bản đồ 299 vị trí thửa đất 207, tờ bản đồ số 02 (Bản đồ 299) giáp đường 1A là thửa đất do HTX T3 quản lý, đến năm 1991 HTX

T3 giải thể bán cho 04 hộ, trong đó không có hộ ông Bùi Huy H; ông H cũng không có căn cứ để chứng minh về việc sử dụng một phần đất thửa 207, tờ bản đồ số 02. Như vậy, thửa đất ông H đang sử dụng là thửa do bà Nguyễn Thị T1 chuyển nhượng và là thửa đất số 131, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299); vị trí thửa đất này không giáp đường A, còn cách đường A thửa đất 207 tờ bản đồ số 02 và khoảng đất giao thông (theo Bản đồ 299).

Về quá trình thu hồi đất: Năm 1995 hành lang giao thông đã được thu hồi phạm vi 13,5m tại địa bàn phường Q; ông Bùi Huy H không kê khai bồi thường và cũng không có quyết định bồi thường cho hộ ông H. Mặt khác, phần đất thuộc thửa 207, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299) năm 1995 đã được chia cho 04 hộ gia đình khác sử dụng, năm 1995 thu hồi cũng không có ai kê khai bồi thường khi thực hiện dự án PMU1.

Về hồ sơ cấp GCNQSDĐ ngày 26/3/2008 cho hộ ông Bùi Huy H và Nguyễn Thị H9 thể hiện: Giấy chuyển nhượng đất ông Hoàng cung c để xin cấp GCNQSDĐ ngày 26/3/2008 bà Nguyễn Thị H9 chỉ ghi diện tích đất xin cấp là 531m²; tờ kê khai trước bạ nhà đất ngày 09/3/2008 bà Nguyễn Thị H9 vợ ông H kê khai 531m². Theo Công văn số 1784 ngày 12/9/2022, thì UBND thị xã H đã phát hiện sai sót trong việc cấp GCNQSDĐ là cấp đất hành lang giao thông đã quy hoạch theo Nghị Định 203/1982/NĐ-CP cho cá nhân sử dụng riêng là không đúng. Khi phát hiện sai sót thì ông Bùi Huy H đang làm thủ tục xin cấp đổi GCNQSDĐ số 216901.

Người khởi kiện không cung cấp được tài liệu, chứng minh cho việc gia đình ông sử dụng diện tích đất thuộc thửa đất số 207, tờ bản đồ số 02 và đất hành lang giao thông đã được thu hồi năm 1995 khi thực hiện dự án PMU1. Các nội dung xác nhận về việc HTX T3 có cấp đất ở cho bà Nguyễn Thị T1 giáp đường A do người khởi kiện xin một số người công tác, làm việc tại HTX T3 trước đây nhưng không có tài liệu chứng minh, mâu thuẫn với Bản đồ 299 đo vẽ năm 1986, hoặc có người xác nhận đã xin rút nội dung xác nhận nên không có cơ sở để chấp nhận.

UBND thị xã H căn cứ Bản đồ 299 đo vẽ năm năm 1984 đến 1986 để so sánh vị trí các thửa đất, xác định vị trí nguồn gốc thửa đất hộ ông H sử dụng là có cơ sở. UBND xã Q, UBND thị xã H xác nhận không giao đất hành lang giao thông đã quy hoạch theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng cho hộ cá nhân nào sử dụng là phù hợp tình hình chung của các địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An có đất tiếp giáp đường Q.

Như vậy, Chủ tịch UBND thị xã H căn cứ nguồn gốc đất ông H được sử dụng; đối chiếu vị trí thu hồi đất của ông H với Bản đồ địa chính đo năm 1984 hoàn thiện năm 1986; hồ sơ GCNQSD đất cấp cho ông H năm 2008, hồ sơ thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng đường Quốc lộ 1A năm 1995 và tình hình chung quản lý đất tại địa phương để không chấp nhận bồi thường cho ông Bùi Huy H 115,6m² đất trong phạm vi 13,5m (tính từ chân đường đến phạm vi 13,5m) là có

căn cứ pháp luật.

[2.2.2] Đối với Quyết định 189/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 về việc đình chỉ thời gian tạm giam ban hành quyết định giải quyết khiếu nại:

Quyết định này được ban hành chỉ đình chỉ thời gian ban hành Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 28/01/2020 của Chủ tịch UBND thị xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Huy H, khối T, phường Q (lần đầu) do có nhầm lẫn năm phát hành; không giải quyết nội dung gì khác. Do không có căn cứ để chấp nhận hủy Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 28/11/2020 nên không có căn cứ hủy Quyết định 189/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của Chủ tịch UBND thị xã H.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Huy H; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông Bùi Huy H là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Huy H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2022/HC-ST, ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Bùi Huy H.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HSV, VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng